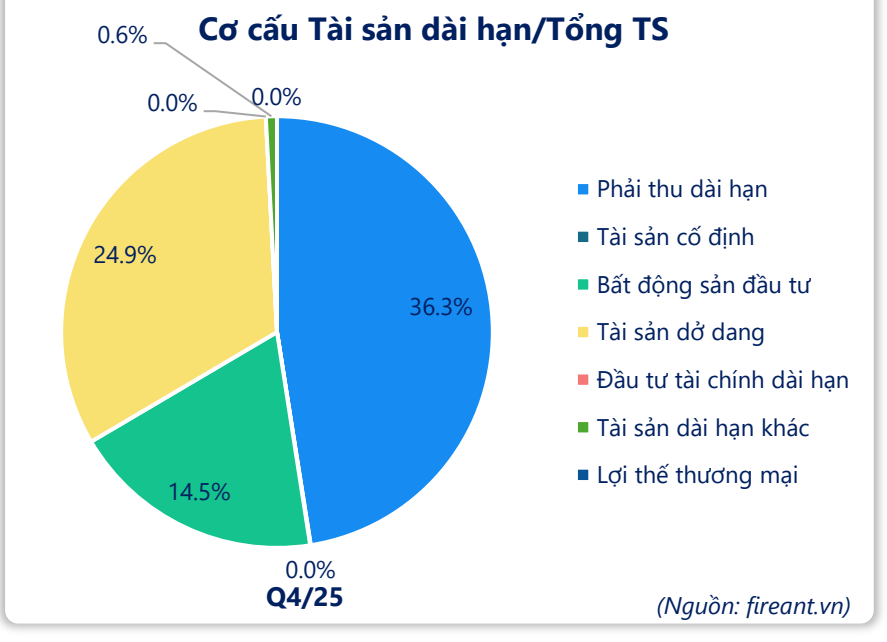
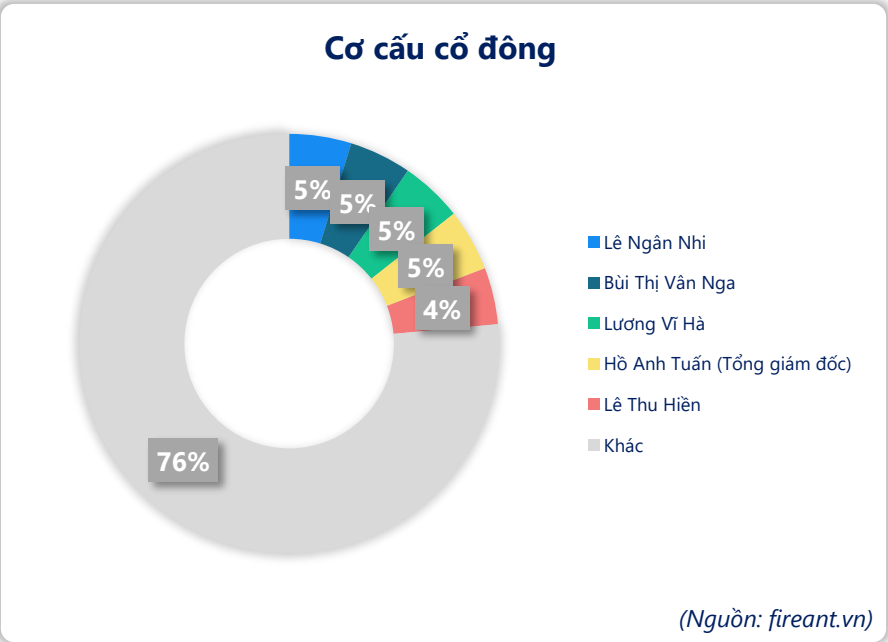
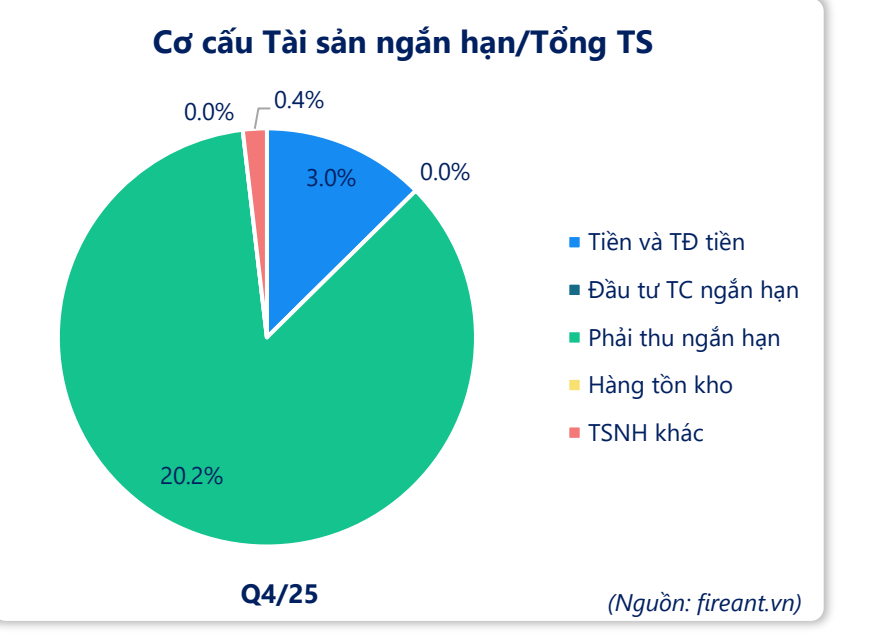
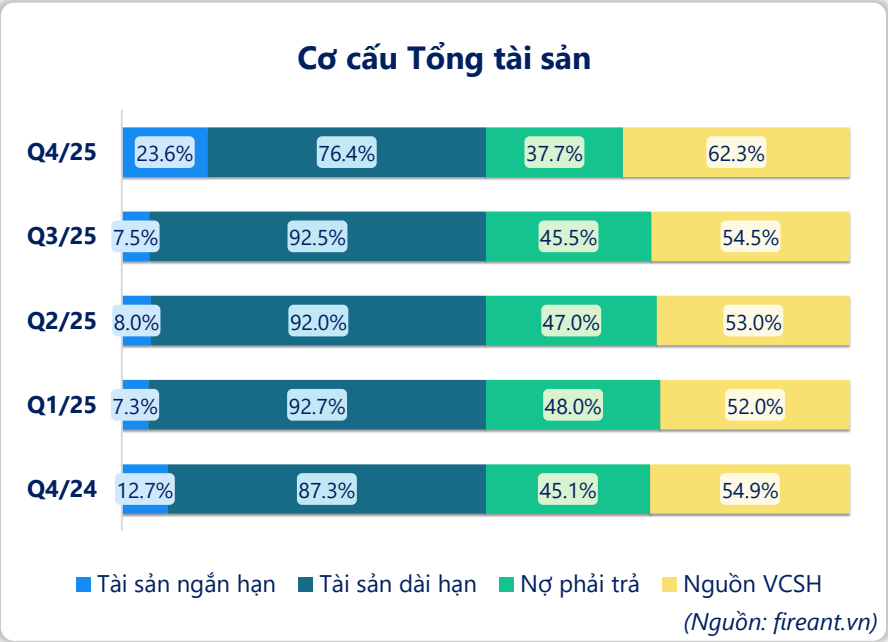
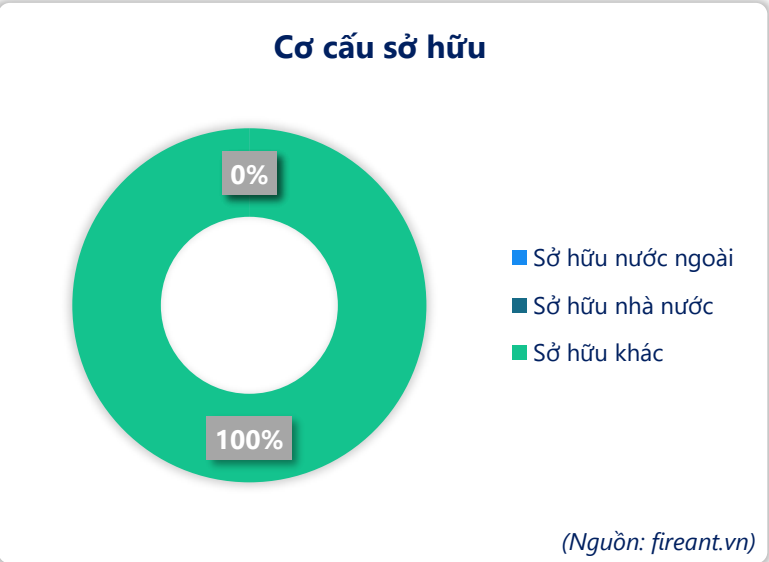
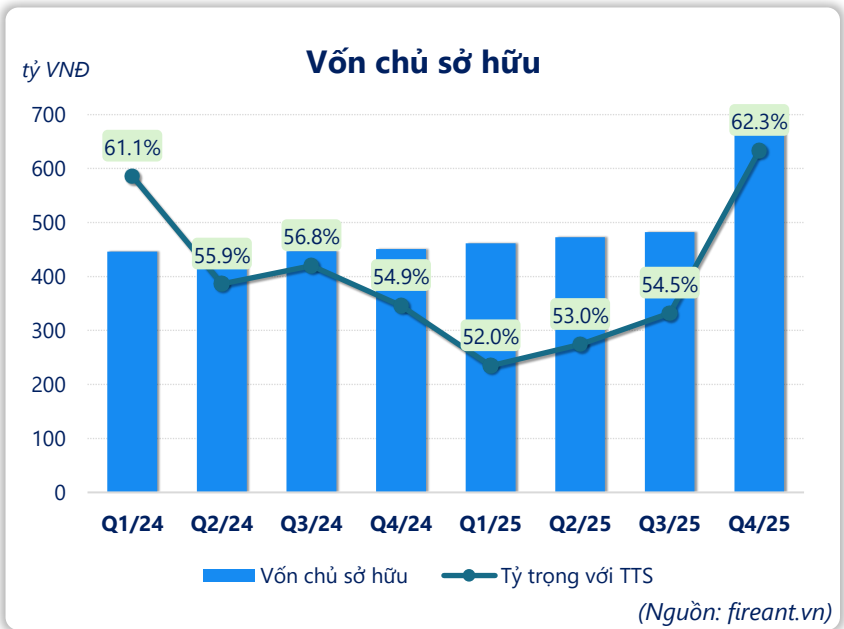
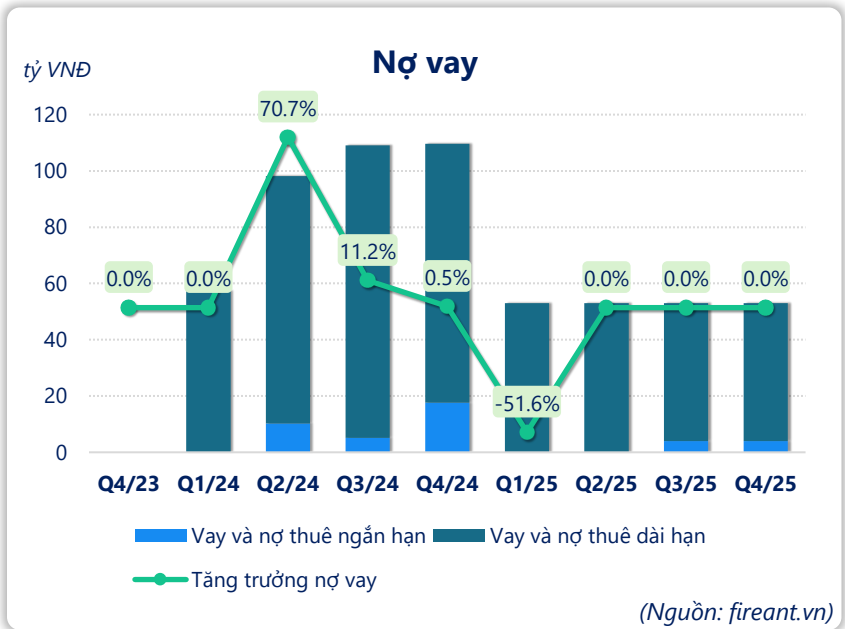
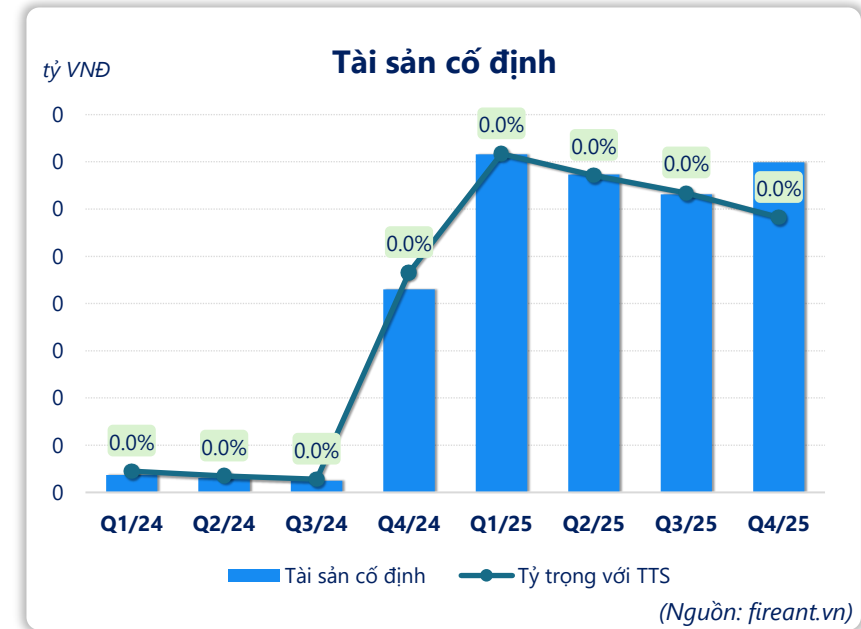
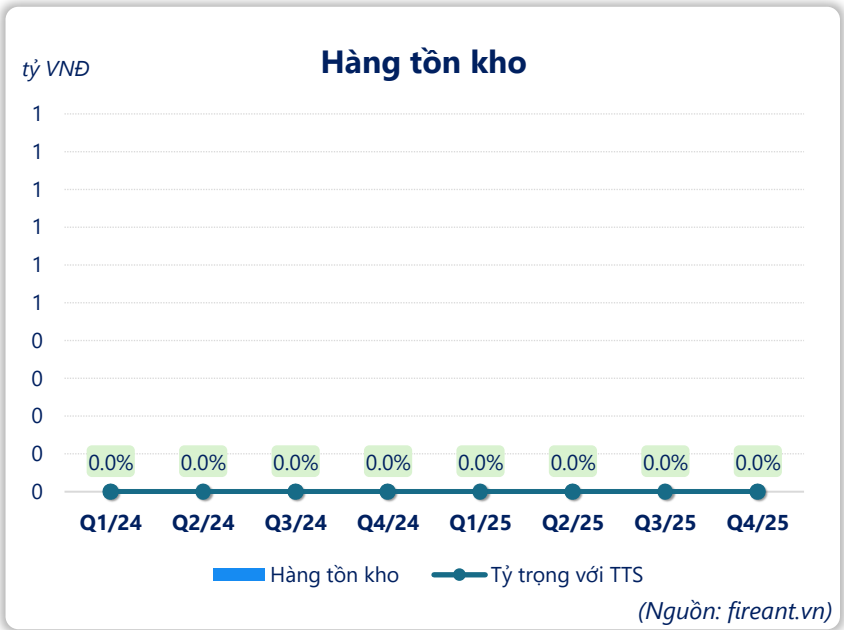
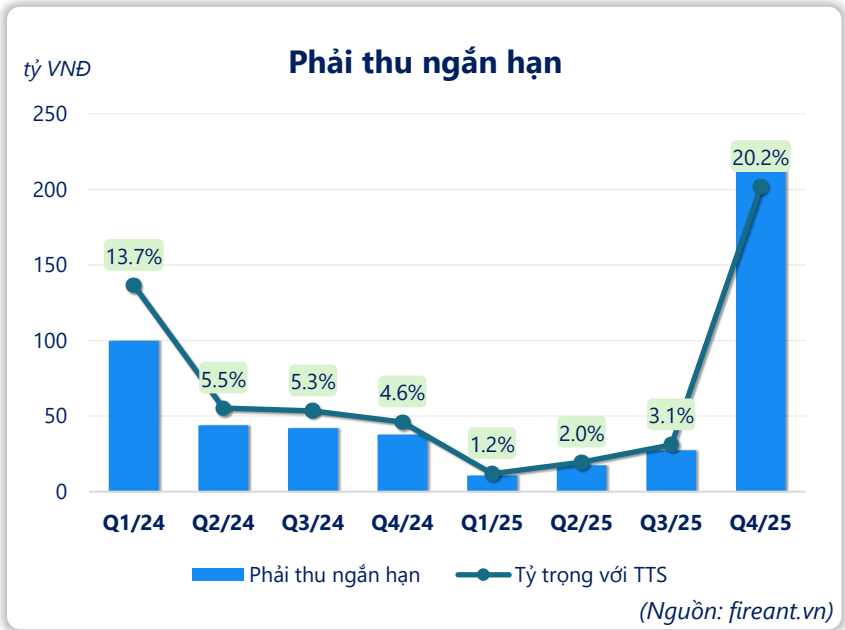
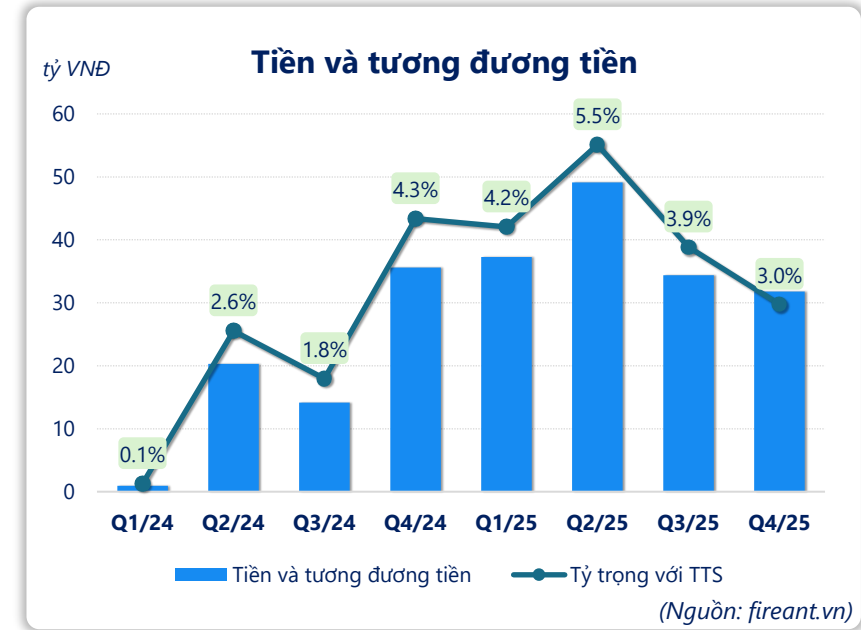
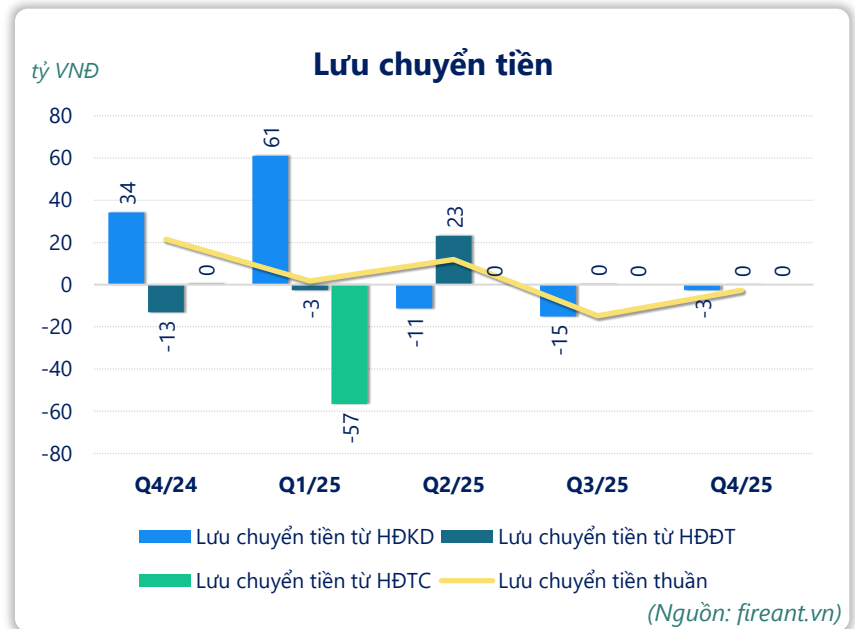
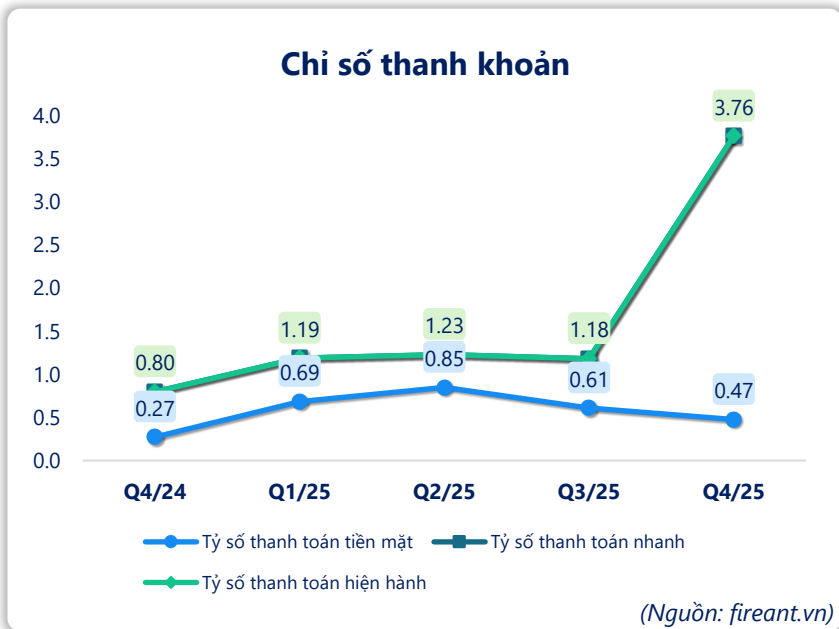
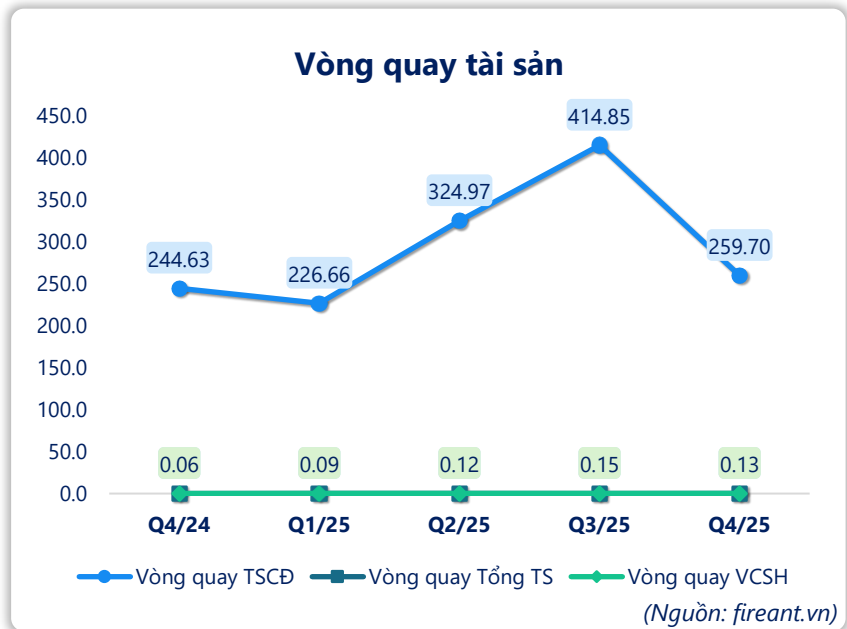
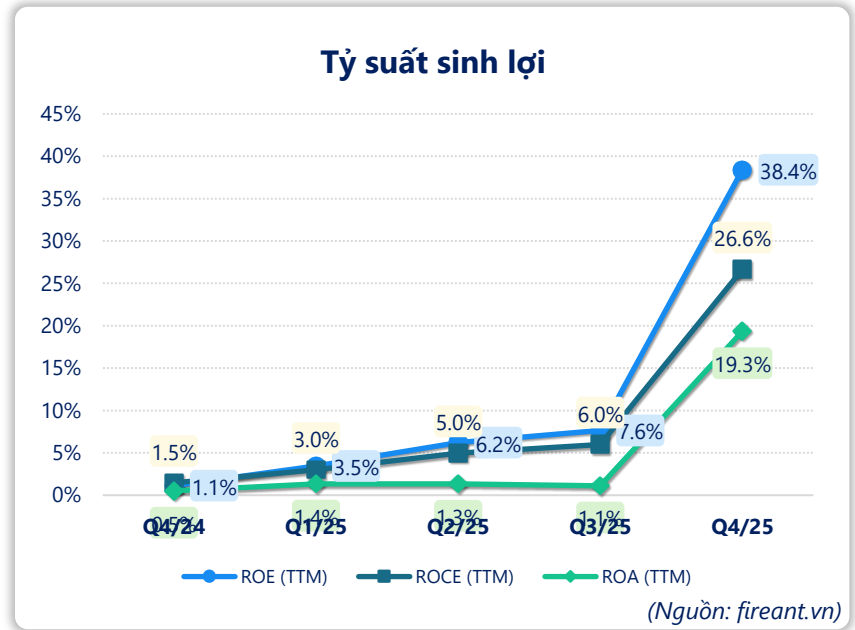
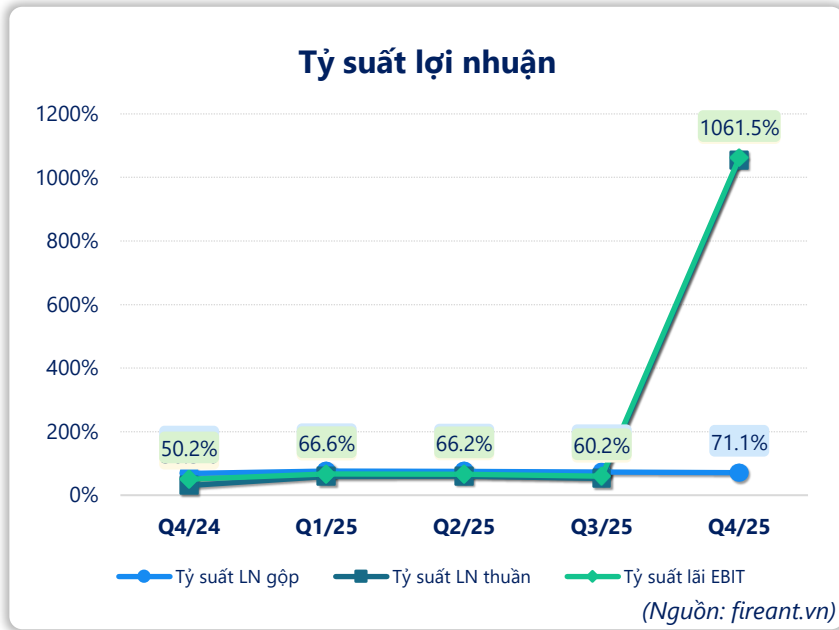
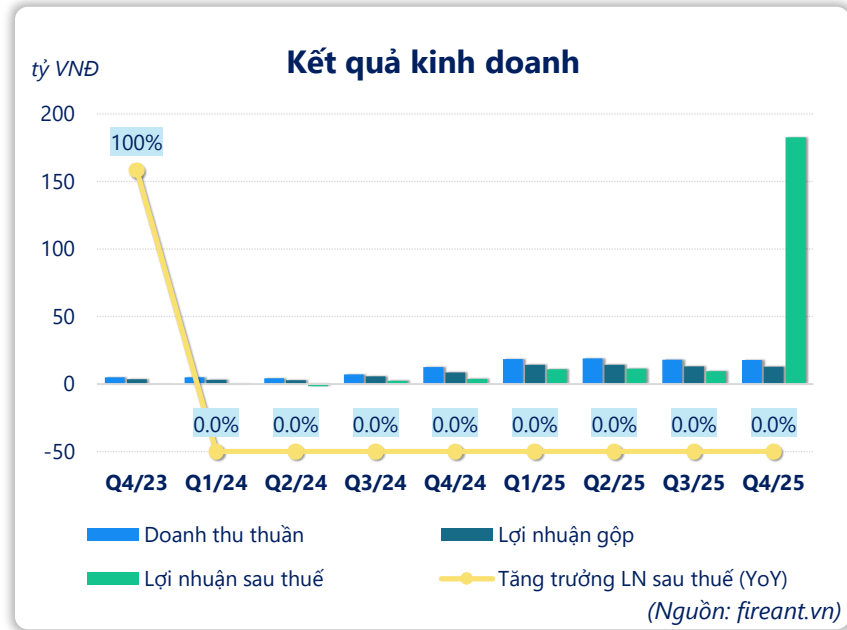


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,200
SL cổ phiếu LH		38,623,488
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,140
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		630
P/E		2.9
EPS		5,546

	YTD	1T	3T	6T
FDC	-3.6%	8.7%	1.2%	2.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,068	821	30.0%
Tài sản ngắn hạn	252	104	142%
Tiền và tương đương tiền	31.8	35.6	-10.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	20.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	215	37.9	469%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	4.66	10.6	-56.1%
Tài sản dài hạn	816	717	13.8%
Phải thu dài hạn	387	280	38.4%
Tài sản cố định	0.35	0.21	62.6%
Bất động sản đầu tư	155	161	-3.8%
Tài sản dở dang	266	266	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.74	9.66	-30.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	403	370	8.7%
Nợ ngắn hạn	66.9	59.5	12.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.00	17.6	-77.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.08	1.92	-95.6%
Nợ dài hạn	336	311	8.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	49.0	92.0	-46.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	665	451	47.5%
Vốn chủ sở hữu	665	451	47.5%
Vốn điều lệ	386	386	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	12.6	18.6	18.9	18.0	17.9
Giá vốn hàng bán	3.95	4.47	4.75	4.90	5.17
Lợi nhuận gộp	8.62	14.1	14.1	13.1	12.7
Doanh thu HĐTC	0.16	0.49	0.47	0.35	0.35
Chi phí TC	2.48	1.42	1.22	1.41	1.16
Chi phí lãi vay	2.48	1.42	1.22	1.41	1.16
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.47	2.22	2.11	2.61	-177
LN thuần từ HĐKD	3.83	11.0	11.3	9.41	188
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0.00	0	0
LN trước thuế	3.83	11.0	11.3	9.41	188
Lợi nhuận sau thuế	3.83	11.0	11.3	9.41	183
LNST của CĐ cty mẹ	3.83	11.0	11.3	9.41	183

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	34.2	61.0	-11.3	-15.1	-2.70
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.2	-2.74	23.1	0.31	0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.50	-56.6	0	0	0
Tiền đầu kỳ	14.1	35.6	37.3	49.1	34.4
Lưu chuyển tiền thuần	21.5	1.71	11.8	-14.8	-2.59
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	35.6	37.3	49.1	34.4	31.8

(Nguồn: fireant.vn)